

DI SẢN VĂN HÓA SỐ VÀ NHÂN VĂN SỐ

Nguyễn Thị Ngọc Mai*

Tóm tắt: Với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông, lĩnh vực di sản văn hóa và khoa học nhân văn đã có nhiều thay đổi. Di sản văn hóa số và nhân văn số đã trở thành xu hướng và giành được sự quan tâm lớn của các quốc gia, các nhà khoa học trên toàn thế giới. Bài viết bàn luận về khái niệm, đặc điểm của di sản văn hóa số và nhân văn số, đồng thời chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa di sản văn hóa số và nhân văn số.

Từ khóa: Di sản văn hóa số; Nhân văn số.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thế giới luôn không ngừng đổi thay và trong thế kỷ XXI sự đổi thay đó diễn ra với tầm vóc, quy mô và tốc độ đáng kinh ngạc. Nhiều chuyên gia hàng đầu thế giới đã đưa ra những nhận định về công nghệ và số hóa – tiền đề để “cách mạng hóa mọi thứ” và “thổi bùng những thay đổi lớn lao trên khắp thế giới – như một tất yếu khách quan” (Schwab, 2016). Những thay đổi mang tính thời đại này đã tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có các lĩnh vực sáng tạo, thu thập, lưu trữ, tuyển chọn, phổ biến, bảo quản di sản văn hóa và các lĩnh vực nghiên cứu gắn liền với di sản văn hóa như khoa học nhân văn. Borowiecki, Forrbes và Fresa (2016,) đã khẳng định “di sản văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng” trong bối cảnh đổi thay nhanh chóng này.

Ảnh hưởng sâu sắc của công nghệ số đã tạo điều kiện cho những phương thức tạo lập, phổ biến các dịch vụ mới trong lĩnh vực di sản văn

* Thạc sĩ, Khoa Thông tin Thư viện, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

hóa và mở đường cho những thay đổi lớn hỗ trợ các nhà nghiên cứu nhân văn ứng dụng ưu thế của công nghệ số vào hoạt động nghiên cứu. Trong những năm gần đây, hai khái niệm mới "di sản văn hóa số" và "nhân văn số" và những vấn đề liên quan đã được nhiều nhà nghiên cứu bàn luận. Di sản văn hóa số hướng tới các di sản văn hóa cùng với vấn đề bảo tồn, giáo dục và nghiên cứu các di sản này trên cơ sở ứng dụng kỹ thuật số. Nhân văn số tập trung vào các ứng dụng công nghệ hỗ trợ nghiên cứu khoa học nhân văn. Hai lĩnh vực học thuật tuy riêng biệt nhưng có mối liên quan hết sức mật thiết. Vậy về bản chất, di sản văn hóa số là gì? Nhân văn số là gì? Mối quan hệ giữa di sản văn hóa số và nhân văn số hiện nay như thế nào? Bài viết góp phần làm sáng tỏ những câu hỏi đó.

2. DI SẢN VĂN HÓA SỐ

Hình thành qua quá trình lao động, sáng tạo của con người, được lưu truyền qua nhiều thế hệ, về cơ bản, di sản văn hóa bao gồm: các hiện vật và tư liệu hữu hình giá trị và phong phú trong bộ sưu tập của các cơ quan văn hóa; các di sản thể hiện trong cảnh quan và môi trường do con người xây dựng; và các di sản phi vật thể, di sản sống như phong tục và truyền thống. Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu, di sản văn hóa có tiềm năng lớn trong việc góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, hiểu về quá khứ, gắn kết cộng đồng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, mở ra cơ hội việc làm, cải thiện giáo dục và các lĩnh vực nghệ thuật [7].

Việc quản lý các tài nguyên thông tin di sản văn hóa từ lâu đã gắn liền với hoạt động của các cơ quan văn hóa như thư viện, bảo tàng, cơ quan lưu trữ,... Các cơ quan này đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn, lưu giữ, phổ biến và khai thác, sử dụng các di sản văn hóa tới các nhà nghiên cứu và công chúng. Mặc dù vậy, các lý do chủ quan và khách quan xuất phát từ đặc điểm của di sản và các vấn đề bảo tồn di sản đã vô hình trung tạo ra những rào cản cho việc tiếp cận và sử dụng các di sản văn hóa này [21].

Hai thập kỷ gần đây, với sự phát triển và phổ biến mạnh mẽ của công nghệ thông tin và truyền thông, việc tiếp cận và sử dụng các di sản văn hóa được lưu trữ trong các cơ quan văn hóa dường như đang đứng trước một cơ hội chưa từng có. Ứng dụng công nghệ hiện đại vào lĩnh vực di sản

văn hóa đã làm tăng hiệu quả, giảm chi phí, nâng cao khả năng phổ biến cũng như sự hòa nhập văn hóa, giáo dục và xã hội. Nhờ đó, hàng triệu di sản văn hóa (sách, tranh, tài liệu lưu trữ,...) được số hóa, các bộ sưu tập số di sản văn hóa được nhân rộng, các thư viện số là kết quả hợp tác nhiều bộ sưu tập di sản văn hóa với ứng dụng kỹ thuật truy hồi thông tin tiên tiến ra đời. Các nhà nghiên cứu cho rằng các cơ quan văn hóa đang đứng trước tiềm năng lớn để thực hiện sứ mệnh truyền bá tri thức và văn hóa vì lợi ích và sự thụ hưởng của mọi công dân.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc UNESCO nhận định tài nguyên văn hóa và giáo dục của thế giới đang ngày càng được sản xuất, phân phối và truy cập dưới dạng số hơn là dạng thức truyền thống. Được UNESCO xem xét là *"một phần của di sản văn hóa thế giới"*, di sản văn hóa số (digital heritage) có định nghĩa như sau:

"Di sản văn hóa số được tạo thành từ các vật liệu dựa trên máy tính, có giá trị lâu dài, cần được lưu giữ cho các thế hệ tương lai. Di sản văn hóa số bắt nguồn từ các cộng đồng, ngành, lĩnh vực và khu vực khác nhau. Không phải tất cả các tài liệu số đều có giá trị lâu dài nhưng nếu tính liên tục của di sản văn hóa số được duy trì thì cần được tiếp cận bảo tồn tích cực". [28]

Vấn đề di sản văn hóa số trong những năm qua đã giành được sự quan tâm lớn của các chuyên gia, các nhà nghiên cứu với các chủ đề thảo luận xoay quanh những nội dung chính sau đây:

- Nguyên tắc và tiêu chí số hóa các tài nguyên di sản văn hóa;
- Các hệ thống tạo lập và sử dụng nội dung;
- Các hệ thống tích hợp tài nguyên di sản văn hóa số trong các công cụ và dịch vụ thân thiện với người dùng như: khả năng tương tác, các mô hình siêu dữ liệu và ứng dụng tự động ánh xạ;
- Tìm kiếm và sử dụng các tài nguyên khoa học và văn hóa với sự phát triển của Web ngữ nghĩa và các tài nguyên dữ liệu mở. [3]

Thực tiễn ứng dụng công nghệ vào lĩnh vực di sản văn hóa cũng đã làm nảy sinh những nhận định mới về công tác quản trị nguồn tài liệu nghiên cứu của các cơ quan văn hóa. Việc quản trị di sản truyền

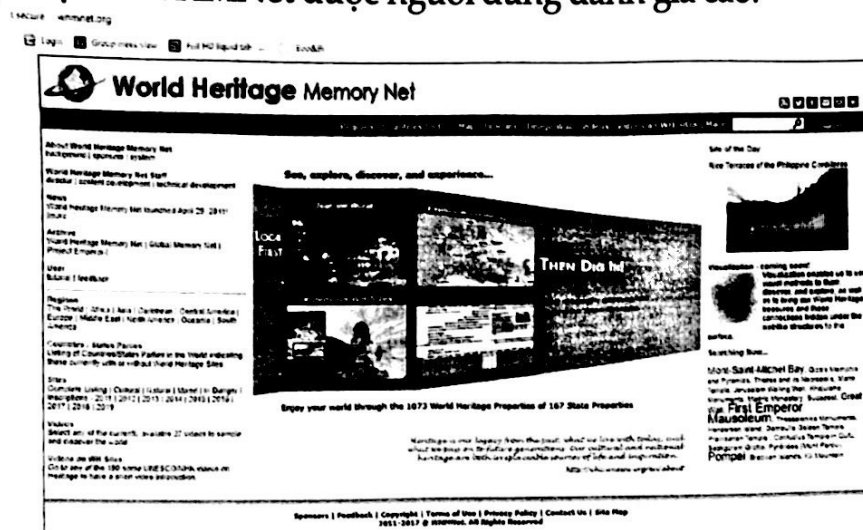
thống vốn gắn liền với nhiệm vụ của những chuyên gia bảo tàng, thư viện hay lưu trữ. Vào những năm đầu thế kỷ XXI, thuật ngữ "quản trị số" (digital curation) lần đầu tiên được giới chuyên môn đề cập với tư cách là một khái niệm liên ngành, liên tổ chức [22]. Theo đó, quản trị số là "các hành động cần thiết để duy trì dữ liệu nghiên cứu số và các tài liệu số khác trong toàn bộ vòng đời của chúng và theo thời gian cho các thế hệ người dùng hiện tại và tương lai" (Beagrie, 2004).

Trên thực tế, với sự đầu tư mạnh mẽ vào việc số hóa di sản văn hóa ở nhiều quốc gia, hàng loạt dự án quản trị di sản văn hóa số của các cơ quan văn hóa đã ra đời cho phép truy cập không phụ thuộc thời gian và địa điểm với quy mô đa dạng từ quốc gia đến khu vực và quốc tế, cả lĩnh vực công và tư. Ở quy mô quốc gia, tiêu biểu là các dự án American Memory và DPLA của Hoa Kỳ, NANAMI của Ấn Độ, E-codices của Thụy Sĩ, FRDA của Pháp, Thư viện số quốc gia Na Uy,... Quy mô khu vực có thể kể đến các dự án Manuscriptorium, Europeana ở châu Âu, ADL ở Đông Nam Á,... Quy mô toàn cầu phải kể đến dự án Mạng Ký ức Di sản Thế giới World Heritage Memory Net (WHMNet). Ở lĩnh vực tư, các tập đoàn công nghệ cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề này với những dự án lớn trong thời gian gần đây như Google Book Search, Internet Archives và Microsoft Book Search.

Tiền sĩ Ching-chih Chen, nhà giáo dục, quản lý, chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực công nghệ và quản trị thông tin số đánh giá: "công nghệ đã làm tăng khả năng truy cập toàn cầu đến di sản thế giới", "sự hỗ trợ của các công nghệ hàng đầu đã giúp các thông tin đa phương tiện, đa ngôn ngữ về di sản vô giá của thế giới lần đầu tiên có thể được truy cập, khai thác, sử dụng và học tập ngay lập tức chỉ với một cú click chuột đơn giản" [8]. Điều đó được thể hiện trong các kết quả thống kê tương tác của các dự án di sản văn hóa số tiêu biểu như WHMNet và Europeana.

WHMNet là một thư viện số toàn cầu bao quát bộ sưu tập di sản văn hóa, lịch sử về 981 Di sản Thế giới của 160 quốc gia được Ủy ban Di sản Thế giới ghi nhận. Với bộ sưu tập lớn các ảnh, video, video 3D, clip âm thanh và các tài liệu, WHMNet tập hợp tài nguyên từ các bảo tàng, cơ quan lưu trữ, thư viện và nhiều nguồn khác, thông tin mô tả chi tiết về các tài nguyên được trình bày bằng 6 ngôn ngữ chính thức của UNESCO và

nhiều ngôn ngữ khác. Trong báo cáo của Chen (2012) về tình hình sử dụng WHMNet chỉ riêng trong thời gian từ tháng 4/2011, thời điểm ra mắt công chúng của WHMNet, đến tháng 11/2011, WHMNet đã được công dân từ 1.692 thành phố thuộc 130 quốc gia truy cập, khai thác. Trong số khoảng hơn 10 tỷ Webpage, WHMNet xếp thứ hạng 170.602 thế giới, và dẫn đầu trong số các thư viện số thế giới về lưu lượng truy cập theo kết quả phân tích của Alexa.com. Các kết quả phân tích Web cho thấy mức độ khả dụng và giá trị của WHMNet được người dùng đánh giá cao.



Hình 1. World Heritage Memory Net

(Nguồn: <http://whmnet.org/>)

Europeana là một trường hợp điển hình với cách tiếp cận khác. Là cổng thông tin điện tử do Ủy ban châu Âu tạo lập, Europeana có bộ sưu tập di sản văn hóa số được thu thập từ khoảng 4.000 tổ chức trên khắp châu Âu với bản ghi về hơn 54 triệu hiện vật khoa học và văn hóa [3]. Nền tảng truy cập tập trung này cho phép tiếp cận toàn cầu nhiều dạng thức nội dung đóng góp từ nhiều cơ quan văn hóa khác nhau (thư viện, bảo tàng, cơ quan lưu trữ và các bộ sưu tập nghe nhìn) theo cách trình bày thân thiện với người sử dụng hiện đại (trên điện thoại thông minh hoặc giao diện lập trình ứng dụng API). Điểm khác biệt nổi bật của Europeana so với WHMNet là các đối tượng số trên Europeana không được lưu trữ trên một máy tính tập trung mà vẫn nằm trong kho lưu trữ số của tổ chức chủ quản với cách thức biên mục đa dạng theo những tiêu chuẩn rất khác nhau. Europeana chỉ thu thập các siêu dữ liệu về đối tượng

số và cung cấp thông tin ngữ cảnh để người dùng tiếp cận với trang gốc có chứa đối tượng số họ cần. Siêu dữ liệu thu thập từ các tổ chức chủ quản khác nhau được tổ chức lại theo một tiêu chuẩn siêu dữ liệu chung duy nhất dựa trên chuẩn Dublin Core mang tên Các yếu tố Ngữ nghĩa Europeana (Europeana Semantic Elements) và Mô hình Dữ liệu Europeana (Europeana Data Model). Thống kê số liệu trắc lượng trên Europeana cho thấy năm 2015 có tổng số hơn 8 triệu lượt xem công thông tin này từ các các máy tính, thiết bị di động và máy tính bảng [18]. Kết quả thống kê từ các trang mạng xã hội của Europeana cũng cho thấy những con số đáng mơ ước đối với bất cứ cơ quan văn hóa nào (fanpage Facebook có hơn 119.000 lượt follow, trang Pinterest có trung bình 2,7 triệu lượt xem mỗi tháng, trang Twitter có hơn 39 nghìn lượt follow).



Hình 2: Các bộ sưu tập Europeana

(Nguồn: <https://pro.europeana.eu/page/collections>)

WHMNet và Europeana chỉ là hai trong số những thí dụ tiêu biểu của xu hướng ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực di sản văn hóa để tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới mở ra khả năng tiếp cận phạm vi rộng, đa dạng, linh hoạt cho người sử dụng. Hầu hết các sản phẩm và dịch vụ như vậy đều bắt nguồn từ những sáng kiến và chương trình quốc gia hoặc chuyên đề, trên cơ sở hợp tác giữa các cơ quan văn hóa, khu vực giáo dục và văn hóa và các khu vực công và tư khác với trọng tâm là bảo tồn di sản văn hóa, tăng cường truy cập tới thông tin, truyền bá văn hóa và tri thức, nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của người dân.